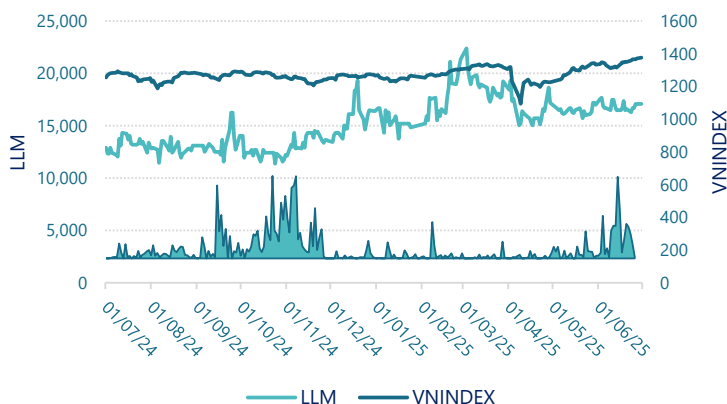


Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (UPCOM: LLM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,383
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,371
SL cổ phiếu LH	79,726,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,387
P/E	12.8
EPS	1,363

DT thuần

Q2/25

718

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,609| -69.2%

YoY: ▼977| -57.7%

LN sau thuế

Q2/25

25.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.4| -48.9%

YoY: ▲ 6.40| 33.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.1%

+/- YoY: ▲ 3.4%

DT thuần

6T 2025

3,045

tỷ VNĐ

YoY: ▼300| -9.0%

LN sau thuế

6T 2025

75.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.5| 42.4%

ROE

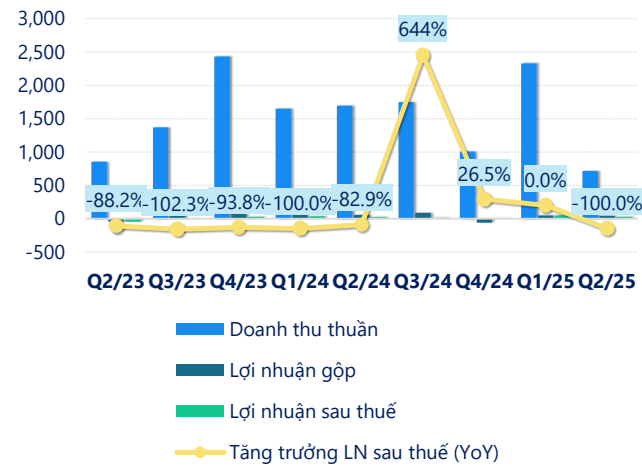
Q2/25

10.7%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

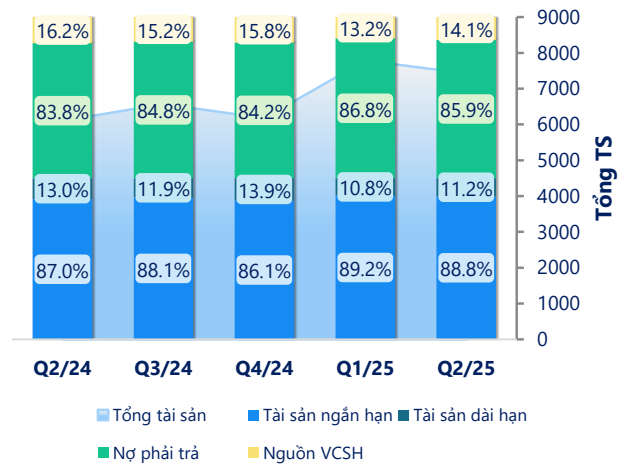
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

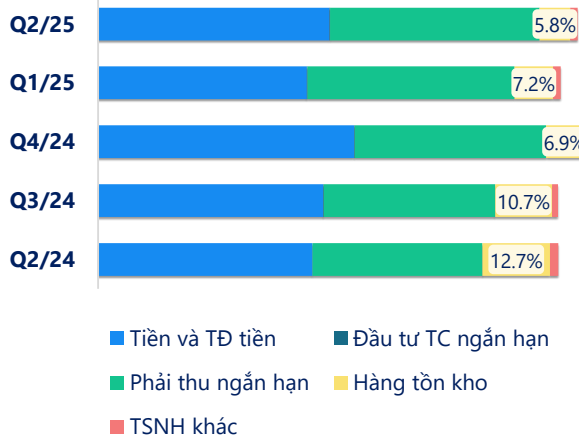
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



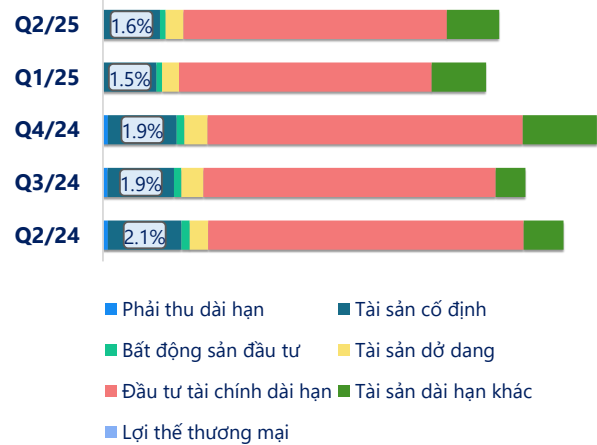
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

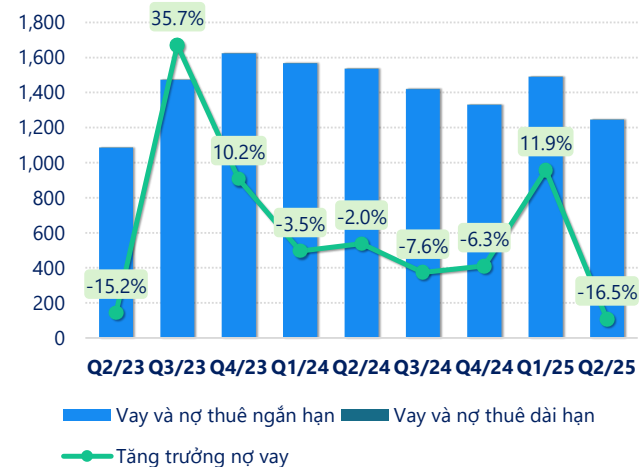
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

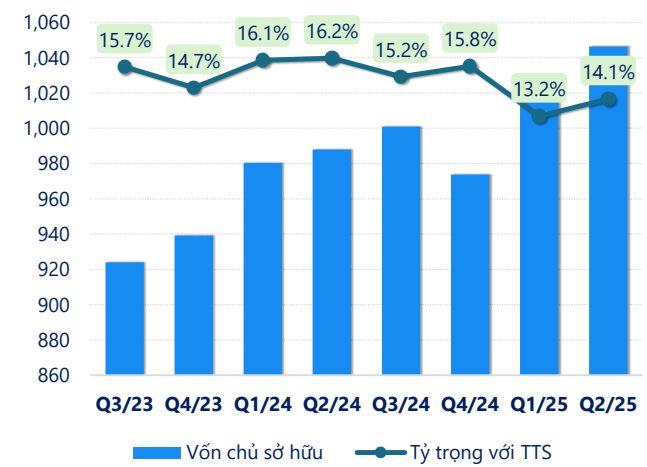
Nợ vay



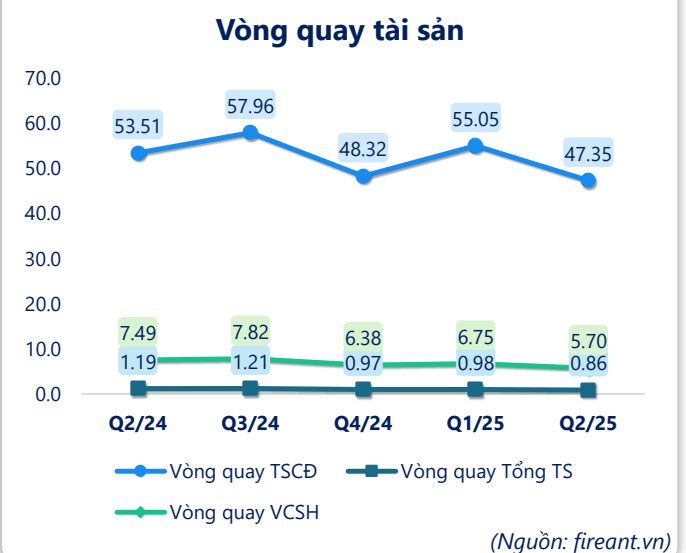
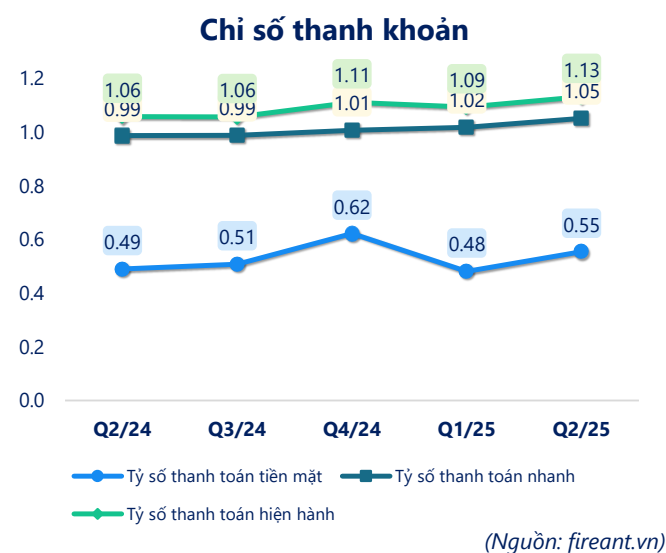
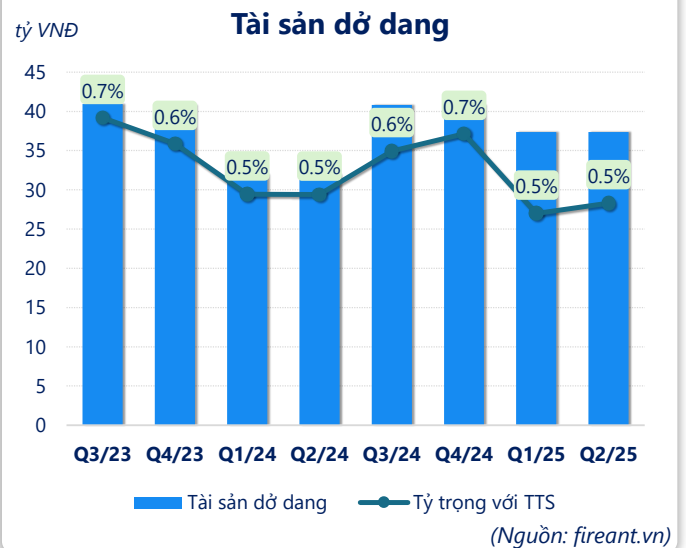
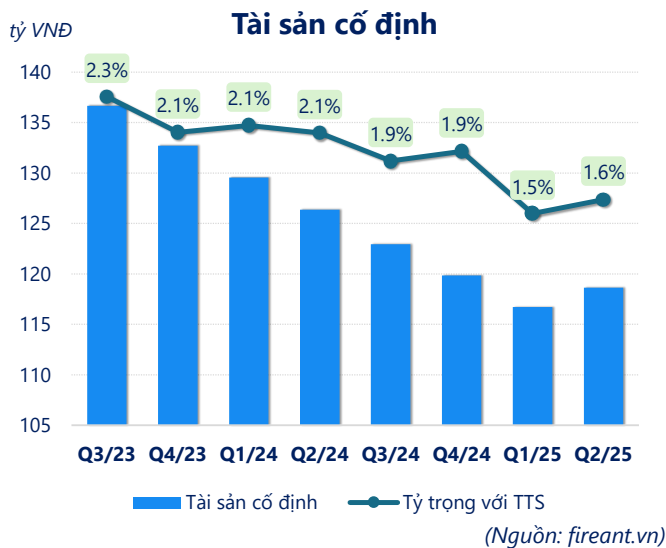
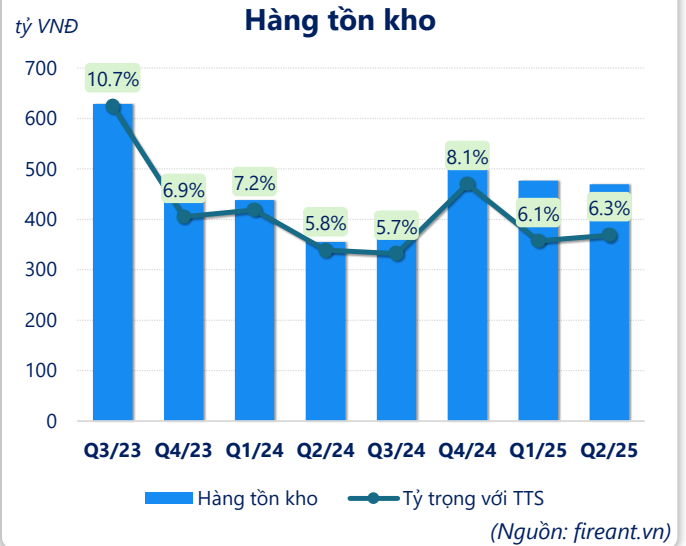
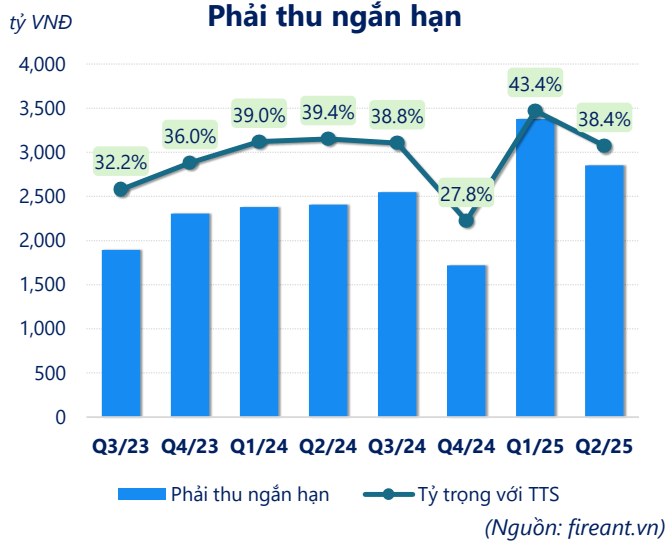
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	6,106	6,567	6,179	7,787	7,422
Tài sản ngắn hạn	5,313	5,784	5,318	6,945	6,592
Tiền và tương đương tiền	2,462	2,781	2,976	3,057	3,230
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.80	5.80	6.50	6.65	6.75
Phải thu ngắn hạn	2,406	2,548	1,718	3,378	2,852
Hàng tồn kho	355	374	498	477	469
Tài sản ngắn hạn khác	84.5	75.1	119	27.4	33.9
Tài sản dài hạn	793	783	861	841	830
Phải thu dài hạn	8.74	8.74	8.74	0.59	0.59
Tài sản cố định	126	123	120	117	119
Bất động sản đầu tư	14.3	13.7	13.1	12.5	12.0
Tài sản dở dang	31.9	40.8	40.8	37.4	37.4
Đầu tư tài chính dài hạn	544	541	549	555	551
Tài sản dài hạn khác	68.3	55.1	130	120	110
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,119	5,567	5,205	6,758	6,375
Nợ ngắn hạn	5,023	5,474	4,784	6,354	5,823
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,535	1,419	1,330	1,489	1,244
Phải trả người bán ngắn hạn	1,746	1,847	1,541	1,376	1,137
Nợ dài hạn	95.8	92.3	421	404	552
Vay và nợ thuê dài hạn	1.46	1.28	1.11	0.93	0.76
Nguồn vốn chủ sở hữu	988	1,001	974	1,029	1,046
Vốn chủ sở hữu	988	1,001	974	1,029	1,046
Vốn điều lệ	797	797	797	797	797
Kinh phí và quỹ khác	-0.27	-0.27	-0.27	-0.27	-0.27

(Nguồn: fireant.vn)